



✓ BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU ĐỜI SỐNG TÂM LINH TRONG DU KÍ NAM BỘ NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

Võ Thị Thanh Tùng*

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-4-2016; ngày phản biện đánh giá: 30-4-2016; ngày chấp nhận đăng: 22-02-2017

TÓM TẮT

Du kí Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX không chỉ ghi lại những ấn tượng đặc sắc về phong tục tập quán mà còn là kho tư liệu quý giá về đời sống tâm linh của người dân Nam Bộ cách đây khoảng một thế kỉ. Như một lẽ tự nhiên, tôn giáo, trong đó có đạo Phật, đạo Cao Đài, đạo thờ cúng tổ tiên... đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tâm linh của lưu dân nơi vùng đất mới. Bài viết bước đầu đi vào tìm hiểu những biểu hiện của đời sống tâm linh trong du kí Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX.

Từ khóa: du kí, tôn giáo, tâm linh, nửa đầu thế kỉ XX.

ABSTRACT

*An initial study of the spiritual life
in Southern travel story in the first half of the twentieth century*

Southern travel stories in the first half of the twentieth century not only recorded the special impression about customs but also were the precious data repositories of the spiritual life of the Souther past for as long as a century. Naturally, religions, including Buddhism, Cao Dai, ancestor worshipping... have become an integral part of the spiritual life of the immigrants in this new territory. The article initially studies the manifestations of the spiritual life in Southern travel story in the first half of the twentieth century.

Keywords: travel story, religions, spiritual life, the first half of the twentieth century.

1. Là vùng cộng cư của nhiều dân tộc, Nam Bộ chính là nơi gặp gỡ của nhiều tín ngưỡng tôn giáo khác nhau nhưng không loại trừ nhau. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức cũng từng viết về tín ngưỡng của người Nam Bộ như sau: "Họ sùng đạo Phật, tin việc đồng bóng, kính trọng nữ thần (...) Lại thờ thần Táo quân (Ông Táo), ở 2 bên vẽ 2 hình người nam, ở giữa vẽ 1 hình người nữ, cũng tượng trưng của quê Ly Hòa có ý là hai hào dương ở giữa một hào âm làm chủ" [5,

tr.180]. Khác với người Việt ở vùng đất cũ, người dân ở vùng đất mới thờ cúng rất nhiều vị thần, cũng là nhằm đáp ứng phần nào nhu cầu tâm linh của những con người vì hoàn cảnh phải chấp nhận tha phương cầu thực. Bởi lẽ trên hành trình chinh phục vùng đất cực Nam của Tổ quốc, lưu dân phải chống chọi với biết bao hiểm nguy, khắc nghiệt. Trong hoàn cảnh con người bị nổi cô đơn, sợ hãi bủa vây, họ chỉ còn biết bám víu vào thần linh để tìm kiếm sự chở che cũng như sức mạnh để tiếp tục tiến về

* Trường Đại học Thủ Dầu Một; Email: thanhtung2212@yahoo.com

phía trước. Hơn nữa, người Nam Bộ tính tình rất cởi mở, phóng khoáng, ưa sự dung hòa, thích hội nhập nên họ sẵn sàng tiếp nhận nhiều tôn giáo khác nhau để làm cho đời sống tín ngưỡng của mình càng thêm phong phú. Là những con người bình dân, ít học nhưng trọng tự do, thích lẽ công bằng, không câu nệ cố chấp và sống giản đơn nên người Nam Bộ không thích những tôn giáo có hệ thống giáo lí quá phức tạp, khó hiểu và mang tính ràng buộc. Do đó, họ có thể sẵn sàng từ bỏ tôn giáo này để đi theo tôn giáo khác miễn sao tôn giáo ấy đừng quá điệu vợ, xa xôi mà phải thật sự gần gũi: *"Theo nhau cho trọn đạo trời/ Dẫu mà không chiếu trái tor mà nằm"*. Tất cả những điều này đã được ghi chép một cách tỉ mỉ, sinh động trong du kí Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX.

2. Phật giáo từ lâu đã trở thành yếu tố không thể thiếu được trong đời sống tâm linh của người Việt. Trong hành trình tiến về phương Nam, Phật giáo chính là hành trang tinh thần quý báu, là chỗ dựa tâm linh giúp lưu dân có thêm niềm tin vào điều thiện, tránh điều ác. Nhờ triết lí từ bi, bác ái mà người dân đã sống vị tha, biết yêu thương, nương tựa vào nhau trong hoàn cảnh cái xấu, cái ác, cái hiểm nguy đang ngày đêm rình rập. Đó là lí do giải thích vì sao, trước sự du nhập của nhiều tôn giáo mới, đa số người dân Nam Bộ vẫn luôn mộ sùng đạo Phật. Du kí Nam Bộ cũng không quên ghi lại thực tế này:

"Tại Phú Quốc, dân cư có trên 100 ngàn người, mà chẳng có một người nào theo đạo Thiên Chúa cả, một ít người theo

đạo Cao đài mà thôi, phần nhiều mộ sùng đạo Phật" (*Cuộc du lịch Châu Đốc Hà Tiên Kam-pot Phú Quốc* - Marie Nguyễn Sừ)¹.

Là tín ngưỡng truyền thống của người Việt nên ngay từ những ngày đầu khai phá vùng đất phương Nam, mặc dù phải trải qua nhiều gian khổ nhưng Phật giáo đã luôn song hành cùng với lưu dân. Không ít những tấm gương thiện sư cùng nhau khai khẩn ruộng đất, vừa làm ăn vừa tu hành trong hoàn cảnh vô cùng gian khổ đã được nhân dân Nam Bộ truyền tụng như những huyền thoại bất tử. Trong quá trình song hành giữa đạo và đời ấy, Phật giáo một mặt phải giữ gìn để không đánh mất cái tinh thần căn bản của chánh pháp, mặt khác lại phải thường xuyên thay đổi để phù hợp hơn với đời sống đặc thù của vùng đất mới phương Nam.

Truyền thống Phật giáo đại thừa vẫn được củng cố và phát triển rộng khắp Nam Bộ tạo nên một nền tảng vững chắc với hàng loạt các ngôi chùa được xây dựng cùng sự đóng góp tích cực của các nhà sư, các ông đạo vào sự thịnh vượng chung của vùng đất này. Sự ra đời của một số tông phái Phật giáo vẫn dựa trên những nguyên lí căn bản của đạo Phật nhưng có sự thay đổi ít nhiều về hình thức thờ cúng nhằm phù hợp hơn với điều kiện khó khăn ở vùng đất mới, vì vậy đã thu hút nhiều thiện nam tín nữ. Phật giáo Nam Bộ luôn hướng con người đến những tình cảm nhân văn, giúp con người nhận ra trách nhiệm và bổn phận của mỗi công dân đối với ông bà, cha mẹ, tổ tiên, đất nước và cả nhân loại:

“Trong cơn dẫu nhau khiến hừng, bĩ nhân thừa với anh và rằng: “Hiển huynh có phúc mà dặng bề thế lớn như vậy cũng nên ăn sĩ quy điền, mà hễ bề thế lớn thì rất dễ mà dễ ơn cho đời, tích đức lưu tại từ tôn, phải làm sao cho ai nấy được nhờ, mới dương danh ư hầu thế” (Nhân du kí sự - Phú Tuấn Năng)².

Chính cái tinh thần mang tính nhân văn ấy của đạo Phật đã khiến nhân dân vô cùng ngưỡng mộ. Sự ngưỡng mộ được thể hiện qua thái độ thành kính thờ phụng và hành động hành hương về nơi linh thiêng để được diện kiến Phật:

“Dầm sương dãi gió, xuống dốc lên đèo, biết bao là cay đắng! Dốc lòng tìm Phật, bao quản cực thân, anh em đi dẫu lẫn lẩn, trúc hơn một giờ mới tìm ra quang lộ” (Nhân du kí sự - Phú Tuấn Năng)³.

Khác với Phật giáo nơi miền đất cũ, “Khái niệm Phật ở đây lại được quan niệm một cách phóng khoáng hơn cách hiểu chính thống (...) Phật biểu trưng cho những ước vọng hạnh phúc trong cuộc sống trần tục kể cả hạnh phúc trong tình yêu lứa đôi” [6, tr.209]. Bởi vậy, số lượng tín đồ Phật giáo thuần thành ở Nam Kỳ không nhiều. Đối với phần lớn người dân Nam Bộ, đi đến những không gian linh thiêng như chùa chiền, đền miếu ngoài mục đích cầu nguyện ra, thì đây còn là dịp để mọi người, đặc biệt là phụ nữ, đi văn cảnh hoặc gặp gỡ, chuyện trò, trao đổi:

“Từ chân núi lên tới điện đi hơn 1 giờ đồng hồ. Khi mới tới tâm lòng háng hái, ước ao trèo núi cho thỏa tình, mà sợ một nỗi điện ở chẳng cao, trèo chưa thỏa

chí” (Tây Ninh Vũng Tàu du kí - Biền Ngũ Nhy)⁴.

Sách *Gia Định thành thông chí* cũng mô tả về chùa Giác Lâm như sau: “Ồ trên gò Cẩm Sơn, cách lũy Bán Bích về phía tây 3 dặm, giống như tựa bình phong, đội nón, mờ trướng, trái thảm, rộng 3 dặm, cây to thành rừng, hoa núi dẹt gấm, sớm chiều mây khói bốc lên quấn cuộn, tuy nhỏ nhưng lí thú. (...) thi nhân du khách kết đoàn 5,3 người đến đây mở tiệc thưởng hoa, nâng chén quỳnh mà ngâm vịnh, ngó xuống chợ búa đời thường, bụi bặm xa cách ra ngoài tầm mắt, thật là một nơi đáng du lịch và thưởng ngoạn” [5, tr.224]. Có lẽ do người Nam Bộ có quan niệm tu tại tâm là chính, nên chùa chiền ở đây không mang vẻ uy nghi, to lớn như ở Bắc Bộ và Trung Bộ mà thường xen lẫn, ẩn mình trong không gian cây trái xanh tươi. Tác giả Biền Ngũ Nhy trong một lần đến thăm Điện Bà cũng rất ngạc nhiên vì phong cảnh nơi đây “*thật là tươi tốt, hèn chi thiên hạ đồng khen chốn này là danh san thắng cảnh, nay tới đây mới biết rõ là kinh lịch vô cùng, chẳng bút nào mà tả cái quang cảnh ấy ra cho nổi” (Tây Ninh Vũng Tàu du kí - Biền Ngũ Nhy)⁵.*

Phật giáo khi vào Nam Bộ không còn mang trong mình nhiều triết lí cao siêu, trừu tượng. Bằng lòng thương người bao la, đạo Phật khuyên con người hãy tu nhân để tích đức, cứu nhân độ thế, làm điều lành và tránh điều ác: “*Bi nhân thiết tướng cuộc du ngoạn của bi nhân ngữ là có ích cho bi nhân mà thôi, nào dễ gặp dịp may mà cứu dặng một mạng sanh linh cũng hơn lập bảy*

kiêng chùa ấy vậy thì nó còn có ích lây cho đồng chúng, nên bị nhân lấy làm đặc chí lắm!" (Nhân du kí sự - Phú Tuấn Năng)⁶.

Tin vào phúc đức, người Nam Bộ khuyên nhau hãy ở hiền thì sẽ gặp lành, ăn ở phúc đức thì con cháu sẽ được nhờ. Do đó, nhớ để đức lại cho con cháu là điều mà hầu hết người dân Nam Bộ tâm niệm: "Trong con dất nhau khiến hứng, bị nhân thua với anh va rằng: "Hiền huynh có phúc mà động bề thế lớn như vậy cũng nên ăn sĩ qui điền, mà hễ bề thế lớn thì rất dễ mà để ơn cho đời, tích đức lưu tại từ tôn, phải làm sao cho ai nấy được nhờ, mới dương danh ư hậu thế" (Nhân du kí sự - Phú Tuấn Năng)⁷.

Mong muốn đem lại những lợi ích chân chính và thiết thực nhất cho cộng đồng là sứ mệnh lớn lao của Phật giáo Nam Bộ. Như thế, Phật giáo đã góp phần khơi dậy lòng trắc ẩn trong mỗi con người và hướng con người vươn đến những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống. Tất cả những điều đó là minh chứng rõ ràng nhất cho tinh thần nhập thế cao độ của Phật giáo Nam Bộ. Và đó cũng là câu trả lời sáng tỏ nhất cho câu hỏi vì sao cho đến ngày nay, dù trải qua nhiều thăng trầm biến đổi, Phật giáo vẫn luôn là tôn giáo gắn bó sâu sắc và bền bỉ nhất trong tâm thức của người Việt ở Nam Bộ.

Bên cạnh việc thờ Phật thì thờ Bà cũng là một hiện tượng khá độc đáo trong tín ngưỡng thờ cúng của người Việt Nam Bộ. Trong "Long Điền du kí", tác giả Phú Tuấn Năng cũng đã đề cập vấn đề này: "Miếu Bà cất đã thâm niên, / Người đồn

miếu ấy linh thiêng mấy đời..." (Long Điền du kí - Phú Tuấn Năng)⁸.

Hiện tượng thờ Bà của người Nam Bộ là sự tiếp nối truyền thống thờ mẫu của dân tộc Việt Nam đồng thời có sự tiếp thu các tín ngưỡng mới để tạo nên sự hỗn dung văn hóa khá đặc sắc: "Theo bước đường Nam tiến của dân tộc Việt, chúa Liễu đã từ Phú Giầy (Nam Định), Đền Sòng (Thanh Hóa) đi về phương Nam, tạm dừng ở điện Hòn Chén (Huế) và gặp bà Pô Nugar tại Nha Trang, gặp bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) ở Tây Ninh và bà Chúa Xứ ở núi Sam, Châu Đốc... Tất cả các bà đều là một Mẹ duy nhất trong tâm thức của tín ngưỡng và tập tục thờ mẫu của người Việt..." [10, tr.55]. "Mẫu có gốc từ Hán Việt, tiếng Việt là Mẹ. Nghĩa ban đầu, Mẫu hay Mẹ đều để chỉ một người phụ nữ đã sinh ra một người nào đó, là tiếng xưng hô của con đối với người sinh ra mình. Ngoài ý nghĩa xưng hô thông thường, từ Mẫu và Mẹ còn bao hàm ý nghĩa tôn xưng, tôn vinh, chẳng hạn như Mẹ Âu Cơ, Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu nghi thiên hạ (...) là các vị thần linh gắn liền với các hiện tượng thiên nhiên, vũ trụ được người đời gán cho chức năng sáng tạo, bảo trợ và che chở cho sự sống của con người. Đó là trời, đất, sông nước, rừng núi" [9, tr.29-31].

Giống như tục thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Bà cũng thể hiện lòng biết ơn vô hạn của nhân dân Nam Bộ đối với sự phù hộ độ trì của các vị Thánh Mẫu, thể hiện đạo lí uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam. Hai trung tâm thờ mẫu nổi tiếng được đặt ở hai ngọn núi cao nhất ở

Nam Bộ là Linh Sơn Thánh Mẫu ở núi Bà Đen, tỉnh Tây Ninh và miếu Bà Chúa Xứ ở núi Sam, tỉnh An Giang. Thái Hữu Thành một lần đến Châu Đốc đã ghi lại: “*Bên kia đường Xà Tôn – Châu Đốc, xéo ngang miếu mộ của Báo hộ Thoại có miếu Bà Chúa Xứ. Trong miếu thờ một pho tượng lớn, ngoài phủ nhiều lớp áo, đầu đội mũ hình bông sen bằng giấy, mặt láng nước sơn (...)* ngày nay tượng ấy thành bà Chúa Xứ và là một vị linh thánh đối với người Việt Nam. Hàng năm đến ngày 25-26-27 tháng Tư có cuộc lễ long trọng tớn kém. Sáu, bảy ngàn thiện nam tín nữ từ các tỉnh Nam Kỳ và tận Cao Miên, không hẹn nhau, đều nhớ ngày đến đó thành kính hành hương dâng cầu phước cầu tài” (Hai mươi lăm ngày đi tìm dấu người xưa - Khuông Việt) [4, tr.962].

“*Còn Điện bà thì ở cách chùa Phật chừng mươi thước, ở thụt vào trong, thích bực gấp đá to. (...) Trong Điện có thấy cốt của bà bằng đồng để trong một cái ngai, kì du thì tượng bằng gỗ, sơn son phết vàng. Khi nào có nhiều người lên cùng, thì ngày đêm hương khói nghi ngút, chẳng khi nào dứt”* (Tây Ninh Vững Tàu du kí - Biên Ngũ Nhự)⁹.

Không phải ngẫu nhiên mà nhân dân Nam Bộ lại chọn nơi thờ hai Bà Chúa linh thiêng nhất của mình là hai ngọn núi cao nhất Nam Bộ. Trong tiềm thức của người Việt, núi tượng trưng cho yếu tố dương, nơi sinh sôi phát triển. Còn đối với người Việt Nam Bộ, vì sống trong môi trường sông nước mênh mông, yếu tố âm nặng nề nên họ “cảm thấy thiếu cân bằng, họ khao

khát cái trên cao, khao khát núi” [1, tr.24]; do đó họ chọn núi làm nơi thờ các Bà như là cách để họ “thỏa mãn được tâm thức, tâm niệm hài hòa âm dương” [1, tr.24].

Có thể thấy thờ Bà là hiện tượng có tầm ảnh hưởng hết sức sâu rộng trong đời sống nhân dân nơi vùng đất mới. Để đưa ra lời giải đáp cho hiện tượng “âm thịnh dương suy” này, Nguyễn Đăng Duy đã viết: “Nhưng mặt khác, cũng lại thấy người Việt vào đây, cái không gian quanh năm đầy (và thừa thãi) nắng nóng, nên con người lại khao khát cái êm dịu, mát mẻ. Bởi thế, triết lí âm sinh được mạnh mẽ phát triển ở người Việt Nam Bộ. Ngoài những miếu thờ Mẫu (âm) nổi tiếng (...), thường gia đình nào cũng có miếu thờ bà chúa Xứ (âm) ở trong sân, vườn các nhà bè trên sông cũng có cây hương thờ bà chúa Xứ ở khoảng sân...” [1, tr.25].

Thờ Bà cũng bắt nguồn từ niềm tin thiêng liêng về biểu tượng mẹ, thể hiện ước mơ, khát vọng về sự sinh sôi nảy nở, ấm no, hạnh phúc. Ngay từ những ngày đầu khai thiên lập địa, dân tộc Việt Nam đã gói gắm khát vọng này trong câu chuyện thần thoại về Mẹ Âu Cơ sinh ra trăm trứng. Đối với cư dân nông nghiệp thì đất và nước là hai yếu tố quan trọng nhất. Từ lâu, đất, nước cùng với cây lúa đã trở thành biểu tượng linh thiêng trong tâm thức của người Việt nói chung, người Việt Nam Bộ nói riêng. Đất, nước và lúa được nhân dân tôn sùng thành Mẹ Đất, Mẹ Nước, Mẹ Lúa, mang trong mình tính âm tự nhiên đặc trưng cho nền văn minh nông nghiệp lúa nước ở vùng nhiệt đới gió mùa. Về vấn đề

này Trần Ngọc Thêm có nhận định khá sâu sắc: “Việc đồng thời phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau của tự nhiên dẫn đến hậu quả trong lĩnh vực tư duy là lối tư duy tổng hợp; và trong lĩnh vực tín ngưỡng là tín ngưỡng đa thần. Tính chất âm tính của văn hóa nông nghiệp dẫn đến hậu quả trong lĩnh vực quan hệ xã hội là lối sống thiên về tình cảm, trọng phụ nữ, và trong lĩnh vực tín ngưỡng là tình trạng lan tràn các nữ thần. Và vì cái đích mà người Việt Nam hướng tới là sự phồn thực, cho nên nữ thần của ta không phải là các cô gái trẻ đẹp, mà là các Bà Mẹ, các Mẫu” [8, tr.194].

Thờ Bà như là cách để nhân dân Nam Bộ hướng đến điều thiện, diệt trừ điều ác, đặc biệt đối với người phụ nữ, thờ Bà còn là cách để họ tự giáo dục và hoàn thiện nhân cách của chính mình. Trong hoàn cảnh phải đối đầu với quá nhiều những khó khăn nơi vùng đất mới, người Việt Nam Bộ có nhu cầu được bảo vệ, chở che. Do đó, việc tôn các Bà lên thành Thánh Mẫu cũng là nhằm thỏa mãn khát vọng hòa bình, hạnh phúc ấy.

Trên con đường tìm kiếm một chỗ dựa tâm linh, cộng đồng cư dân người Việt Nam Bộ trong thuở ban đầu đã có những sáng tạo tín ngưỡng mới mẻ trên cơ sở của những giao lưu văn hóa và tín ngưỡng truyền thống. Đạo Cao Đài là một trong những sản phẩm của sự sáng tạo ấy. Trong một lần đi chơi biển, Trúc Phong đã quan sát và thấy rằng: “Mà một điều rất ngộ là ở đây họ có đạo Cao Đài hết cả (...) Ở Hòn Nghệ, ngoài 10 cái gia đình theo đạo Cao Đài, còn một chỗ có kẻ theo đạo Phật tu

hành” (*Tết chơi biển* - Trúc Phong) [7, tr.300].

Đạo Cao Đài ra đời là kết quả tất yếu của quá trình giao lưu văn hóa cũng như lối sống bao dung, cởi mở và tính cách phóng khoáng, thực tế của người Nam Bộ. Đó cũng là kết quả của quá trình tìm kiếm một chỗ dựa tâm linh hiệu quả nhất của người dân Sài Gòn - Gia Định trong hành trình chinh phục vùng đất mới. Đối với người Việt Nam Bộ, đạo phải gắn liền với đời, do đó nó phải mang tính thực tiễn. Trong bối cảnh Nam Bộ đang chịu sự thống trị của ngoại bang, cuộc sống của con người lâm vào cơn bĩ cực, chịu nhiều khổ đau bế tắc, thì việc “họ đến với tôn giáo là để đi tìm niềm tin thiêng liêng mới, hướng dẫn họ hành động giải thoát cho hiện thực cuộc sống đầy bất công khổ cực” [1, tr.46].

Nếu như đạo Phật, đạo Thiên Chúa, hay đạo Hồi... chưa thỏa mãn được nhu cầu bức thiết ấy của người dân Nam Bộ thì sự ra đời của đạo Cao Đài là một lựa chọn hợp lý trong hoàn cảnh này. Đạo Cao Đài coi mọi tôn giáo đều tốt cả nên chủ trương thờ phụng nhiều nhân vật của nhiều tôn giáo khác nhau. Phần lớn các tín điều của đạo Cao Đài là vay mượn, hỗn dung từ giáo lí của Nho, Phật, Lão và cả của Gia tô giáo từ phương Tây. Tất cả những sự vay mượn đó là nhằm mục đích thỏa mãn khát vọng về một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Vì muốn làm chủ cuộc đời mình nên đạo Cao Đài đã có những hoạt động nhằm khơi dậy tinh thần yêu nước, chống ngoại bang, giải phóng dân tộc. Đạo Cao Đài đã đem đến cho người bình dân Nam

Bộ một triết lí sống gần gũi với hiện thực chứ không phải là những triết lí cao siêu, diệu vợi. Qua đó có thể thấy con người trần tục và con người tôn giáo của người Việt Nam Bộ xưa đan xen và tác động lẫn nhau làm nên nét đặc sắc riêng cho tín ngưỡng nơi này.

Dân tộc Việt Nam có câu: “sống về mồ về má, ai sống về cá bát cơm”; do vậy, khi nói về tín ngưỡng tâm linh của người Việt Nam Bộ cũng cần phải nhắc tới **tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên**. Điều này được Biển Ngũ Nhụy ghi rõ trong lúc du ngoạn ở Tây Ninh, Vũng Tàu: “Ngày 30 và mùng một, giữ theo nề nếp cũ, ở nhà cũng rước ông bà mùng xuân như làm gương cho gia quyến, vì xét mình chưa phải bực vắn mình, mà đã vượt khỏi tục xưa lối cũ!” (Tây Ninh Vũng Tàu du kí - Biển Ngũ Nhụy)¹⁰.

Có thể nói, thờ cúng tổ tiên là truyền thống lâu đời của người Việt Nam, nó xuất phát từ tình cảm tự nhiên, thiêng liêng nhất của mỗi con người: “Ý niệm thiêng liêng hàng đầu trong thờ cúng tổ tiên là thể hiện nếp sống đạo đức uống nước nhớ nguồn, con cháu nhớ về tổ tông, ông bà cha mẹ đã sinh thành gây dựng nên cuộc đời cho mình cả về thể xác, linh hồn, và khả năng kính tế...” [2, tr.182]. Trong buổi đầu khai phá, người Việt Nam Bộ rất cần sức mạnh. Sức mạnh ấy bao hàm cả sức mạnh vật chất lẫn sức mạnh tinh thần. Nếu như sức mạnh vật chất dựa trên tinh thần đoàn kết thì sức mạnh tinh thần lại dựa vào niềm tin. Trong hành trình đầy gian khổ, lưu dân tin rằng linh hồn của những người đi trước vẫn đang hiện diện đâu đây, vẫn đang vọng về

trong sự tĩnh lặng thăm sâu để theo dõi, nâng đỡ từng bước chân của người ở lại.

Thờ cúng tổ tiên (còn có tên gọi khác là Đạo Ông Bà) từ lâu được xem như một thứ tôn giáo. Thứ tôn giáo thiêng liêng đặc biệt ấy được nhân dân rất tôn sùng và luôn cố gắng truyền dạy cho con cháu: “*Tổ tiên con ráng phụng thờ/ Mấy lời mẹ báo ngày giờ chớ quên*”. Điều đó được thể hiện rõ qua cái cách người Việt Nam Bộ đặt bàn thờ gia tiên ở cái nơi trang trọng nhất, dành những món ăn ngon nhất, tinh khiết nhất để dâng lên ông bà. Du kí cũng không quên ghi lại cái tục lệ tốt đẹp ấy của người Việt Nam Bộ:

“*Mùng 5 tháng 5, có bánh trụng gói bằng lá mật cật, bốn góc như bánh ú, nên có người kêu bằng bánh ú nước tro vì nếp trước phải ngâm nước tro mới được. Đến ngày mùng năm tháng năm là ngày chánh, có nhiều người bán lá thơm để rắc trước cửa ngõ, ấy là cổ tục của người Nam*”.

“*Mười một tháng một là ngày Đông chí; chợ không bán thứ bánh nào hết, vì nhà nào cũng vô ý hay làm bánh trôi nước đặng cúng*” (Cánh vật Hà Tiên - Đông Hồ, Nguyễn Văn Kiêm) [7, tr.538].

Ngày cúng ngày giỗ luôn được như tới và thực hiện nghiêm túc bằng tất cả sự thành kính, trân trọng. Không cứ là ngày giỗ mà trong các dịp lễ, tết, hay những dịp quan trọng như cưới xin, sinh con đẻ cháu... người Nam Bộ cũng không quên làm mâm cơm cúng ông bà để mong ông bà phù hộ cho con cháu. Còn trong ngày thường, việc cúng giỗ cũng được thực hiện đều đặn vào các ngày mùng một (ngày

sóc), ngày rằm (ngày vọng) như là một cách duy trì sợi dây liên lạc giữa ông bà ở cõi âm với con cháu ở cõi dương.

Tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên mang chiều sâu tâm linh "*Con người có tổ có tông/ Như cây có cội như sông có nguồn*", để lại một giá trị văn hóa vĩnh cửu làm nền tảng vững chắc để nâng bước con cháu đời sau. Do vậy, ta hiểu được một khía cạnh tốt đẹp trong đời sống tâm linh của người Việt Nam Bộ, đó là cái "tâm lí nặng nợ ân tình với quê cha đất tổ vẫn luôn chi phối suy nghĩ và hành động của kẻ tha hương (...), vẫn khát khao gìn giữ những giá trị văn hóa của tổ tiên" [11, tr.202].

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên tuy là truyền thống lâu đời của người Việt Nam nhưng khi vào đến Nam Bộ tín ngưỡng này đã được tái cấu trúc lại. Trong quan niệm của người Nam Bộ, thờ cúng những người đã khuất không chỉ gói gọn trong mối quan hệ thân tộc như ông bà cha mẹ, mà còn mở rộng ra với những người đã hi sinh trong công cuộc chinh phục vùng đất mới. Vì vậy, tổ tiên đối với người Việt Nam Bộ là một khái niệm rất rộng. Và trong tâm lí tự nhiên của con người, khi đã vượt lên khỏi những khó khăn trắc trở để tạo dựng nên một cuộc sống yên lành thì lại nảy sinh ý thức biết ơn những thế lực siêu nhiên đã giúp đỡ mình, và "ý thức biết ơn này có sức hút tự nguyện to lớn, không gì có thể ngăn cản người ta hành động trả nghĩa ơn sâu này" [2, tr.17]. Chính ý thức ấy đã góp phần xác lập nguyên tắc làm người cũng như những chuẩn mực đạo đức trong xã hội. Trong du kí Nam Bộ, những trang viết

về các vị anh hùng xưa, những người đã có công khai phá vùng đất hoang vu thành nơi sầm uất, trên bến dưới thuyền này luôn làm cho người đọc xúc động bởi tạo được cái khí vị hoài cổ:

"Nhắc đến đoạn lịch sử này, ta không thể quên một nhân vật, mà hồn thiêng không bao giờ rời khỏi Vĩnh Long thành. Nhân vật đó là quan Kinh lược sứ Phan Thanh Giản, một tấm gương trung liệt rực rỡ muôn đời, một tinh thần khí phách của nhân dân Việt Nam. Châu thành Vĩnh Long ngày nay mĩ lệ nguy nga với công viên tươi đẹp, đường thẳng cây cao, lầu đài phố xá dọc ngang, chợ búa tấp nập, xe tàu rộn rịp. Nào đâu dấu của thành xưa giữa những công trình mới mẻ ấy? Bởi vậy việc tra tìm có phần khó khăn; nhưng có khó mới có vui vì khi thành công mới được tận hưởng sự thỏa thích của tinh thần" (*Hai mươi lăm ngày đi tìm dấu người xưa - Khuông Việt*)¹¹

"Ông Mạc Thiên Tích lo giáo hóa cho nhân dân, chiêu mộ những người tài giỏi, vừa người Nam vừa người Tàu để đem cái lễ nghi văn hóa mà ban bố cho dân gian. Ông lập ra một thi đàn gọi là Chiêu Anh Các để nhờ đức thánh Khổng Phu Tử và rước những thi bá văn hào anh hùng chí sĩ cả thấy được mười tám người, ông đặt là thập bát anh. Người giỏi nghề văn, người giỏi nghề võ, người thi văn võ toàn tài mà cả thấy đều là anh hùng lữ vận" (*Cảnh vật Hà Tiên - Đông Hồ, Nguyễn Văn Kiêm*) [7, tr.546].

Lịch sử Nam Bộ gắn liền với những con người đi mở cõi. Để có được một vùng

đất Nam Bộ thịnh vượng và trù phú, không ít người đã ngã xuống. Từ đó dần hình thành nên ý thức biết ơn sâu nặng của con cháu đối với cha ông. Đặc biệt những bậc tiền hiền có công khai phá, dựng làng, giữ nước như: Mạc Cửu, Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu... luôn được người dân Nam Bộ tôn sùng thành thần và thờ phụng trong những không gian hết sức thiêng liêng. Hoạt động thờ cúng này diễn ra trên khắp vùng đất Nam Bộ và nó trở thành nhu cầu tâm linh của tất cả mọi người. Thăm thú và dâng hương tưởng nhớ những vị anh hùng là hành động thường thấy trong du kí Nam Bộ:

“Lúc nhỏ, giờ sù kí lớp dự bị, nhìn bức hình vẽ đức Quận công Võ Tánh, bình thần ngồi từ tiết trên đồng lúa lâu bát giác, lòng tôi bị kích thích rất sâu xa. Cùng một chết với thành và cho đến cái mức cuối cùng phân chia hai đường sinh tử cũng không muốn cho địch quân nhìn thấy mặt mình. Tôi đĩnh ninh một ngày kia sẽ tìm đến mộ của quận công để nhìn chốn ngàn năm yên nghỉ của ngài, để hấp thờ đôi hơi khí vị thiêng liêng của ngài cho phi lòng kính mộ” (Viếng mộ hậu quân Võ Tánh - Thiệu Sơn) [3, tr.835].

Hàng năm, để cùng cố thêm niềm tin, tăng thêm tình đoàn kết và nhắc nhở con cháu nhớ về cội nguồn, người dân Nam Bộ đã có những hoạt động tâm linh nhằm tôn vinh, biểu dương các vị Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ, lập nên sự nghiệp lớn lao trong buổi đầu khai hoang vùng đất mới:

“Ngày này là ngày hội quý tề Làng

Ông lại có cuộc diễn xướng một lần trong ba năm theo thường lệ vậy” (Viếng lăng ông Tả Quân Lê - T. L.)¹².

Có lẽ người dân Nam Bộ hiểu rằng “Đời sống tâm linh là cái nền vững chắc nhất của mối quan hệ cộng đồng làng xã” [2, tr.12] nên họ đã hướng về tổ tiên với tất cả sự thành kính, trân trọng:

“Sau lăng mộ có đền thờ, nghi tượng trang nghiêm, khói hương người ngút ngào người điều lễ bái, kẻ sau người trước, quỳ lạy chen chúc nhau. Ông trải biết bao nhiêu khổ lặn ác tà, sao đời vật đổi, trong vòng hơn một trăm năm, mà khí thiêng còn thoảng vãng ở đất này, trông thấy mà khiến cho ai chẳng chạnh lòng trông vời cố quốc” (Viếng lăng ông Tả Quân Lê - T. L.)¹³

Trong từng hành động của người dân Nam Bộ ta thấy được sự tự nguyện say sưa bằng cả lí trí lẫn tình cảm:

“Nghĩ lại, một đứng anh hùng hào kiệt, kính trung đại nghĩa thì dẫu cho dân nào nước nào cũng một lòng sùng bá kỉ niệm giống nhau không bao giờ mà mai một được” (Viếng lăng ông Tả Quân Lê - T. L.)¹⁴.

Đứng trước đền thờ của các vị anh linh, người dân Nam Bộ không khỏi tự hào và từ trong sâu thẳm, họ tin rằng linh hồn của các vị vẫn đang lần khuất đầu đây như muốn chứng kiến từng hành động, việc làm của con cháu:

“Một luồng gió thoảng qua, thông vút lên êm ái, trăm hùng, khiến cho khách du rừng mình, tưởng hồn thiêng của người xưa như còn quỵện đầu đó” (Viếng mộ

hậu quân Võ Tánh - Thiếu Sơn) [3, tr.836].

Thờ thần hay thờ tổ tiên thì mục đích cuối cùng cũng là thể hiện lòng biết ơn sâu nặng đối với đối tượng được thờ cúng và đồng thời mong mỏi ông bà, thần thánh phù hộ cho nhân dân được bình yên, mạnh khỏe và cũng không quên diệt trừ những kẻ tham quan ô lại đang nhiều hại nhân dân:

"Lòng thành một tâm, đốt một nén hương, đứng trước đền thờ cúi lưng bốn lạy, vái oan hồn ngài linh thiêng còn thoảng vắng, ngài hãy chớ dung những loài gian nịnh khó sanh trường ở trong bờ cõi Nam bang, nó làm cho rối cái dân tộc ta, gần hai mươi triệu đồng bào ta vì chúng nó mà nay còn chìm đắm! Ông Tả Quân ôi, khí thiêng ông vẫn còn đời, xin ông nhớ đến giống nòi Việt Nam" (Viếng lăng ông Tả Quân Lê - T. L.)¹⁵.

3. Du kí Nam Bộ đã góp phần vẽ nên một bức tranh văn hóa mới lạ, độc đáo về vùng đất Nam Bộ. Đặc trưng văn hóa Nam Bộ là văn hóa sông nước và tiếp biến các yếu tố văn hóa của các tộc người khác nhau tạo nên nét đặc thù riêng vừa lạ mà vừa quen, vừa tương đồng nhưng cũng vừa khác biệt với văn hóa cội nguồn Bắc,

Trung Bộ. Trong du kí Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX, ta chứng kiến một đời sống văn hóa vô cùng phong phú, trong đó văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo đóng một vai trò vô cùng quan trọng... Tuy nhiên, văn hóa là do con người tạo ra nên thông qua văn hóa ấy ta sẽ thấy hình ảnh con người hiện lên và mang đầy đủ những đặc trưng văn hóa của vùng đất Nam Bộ.

Chi bằng vài nét chấm phá, du kí Nam Bộ đã khắc họa thật chân thực, sinh động những phẩm chất cao quý của chủ nhân vùng đất phương Nam này. Đó là những con người có tấm lòng nhân hậu, bao dung, khảng khái, trọng nghĩa khinh tài, biết hi sinh vì cộng đồng... Chính nhờ những tình cảm đặc biệt dành cho vùng đất Nam Bộ này mà những nhà du kí đã khắc họa rất chân thực hình ảnh đất và người Nam Bộ. Nam Bộ hiện lên trong mắt mọi người thật gần gũi, thân thương. Và quan trọng hơn hết, du kí Nam Bộ đã góp phần không nhỏ vào quá trình nhận diện văn hóa Nam Bộ trong dòng chảy chung của văn hóa Việt Nam, góp phần khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước. Sợi dây đoàn kết, gắn bó giữa các vùng miền vì thế sẽ càng thêm thắt chặt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đăng Duy (1997), *Văn hóa tâm linh Nam Bộ*, Nxb Hà Nội.
2. Nguyễn Đăng Duy (1998), *Văn hóa tâm linh người Việt* (tái bản có sửa chữa), Nxb Hà Nội.
3. Trịnh Bá Đĩnh (chủ biên) (2007), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX, Tập văn và các thể kí Việt Nam 1900 – 1945*, quyển ba, tập III, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Trịnh Bá Đĩnh (chủ biên) (2007), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX, Tập văn và các thể kí Việt Nam 1900 – 1945*, quyển ba, tập IV, Nxb Văn học, Hà Nội.
5. Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí* (tái bản lần thứ nhất), Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
6. Trần Văn Nam (2010), *Biểu trưng trong ca dao Nam Bộ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Nguyễn Hữu Sơn (tuyển chọn, giới thiệu) (2007), *Du kí Việt Nam, Tạp chí Nam Phong 1917 - 1934*, tập III, Nxb Trẻ, TPHCM.
8. Trần Ngọc Thêm (1995), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Trường Đại học KHXH&NV TPHCM.
8. Ngô Đức Thịnh (2009), *Đạo Mẫu Việt Nam* (Tập I), Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
9. Nguyễn Đức Toàn (1994), “Quan hệ Chăm Việt trong lịch sử qua tín ngưỡng dân gian”, *Tạp chí Dân tộc học*, (4), tr.55.
10. Trần Ngọc Thêm (chủ biên) (2014), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ.

¹Nam Kỳ Địa phận, số 1446 năm 1937.

²Công Luận báo, số 408 năm 1921.

³Công Luận báo, số 414 năm 1921.

⁴Công Luận báo, số 422 năm 1921.

⁵Công Luận báo, số 423 năm 1921.

⁶Công Luận báo, số 414 năm 1921.

⁷Công Luận báo, số 408 năm 1921.

⁸Công Luận báo, số 51 năm 1917

⁹Công Luận báo, số 422 năm 1921.

¹⁰Công Luận báo, số 419 năm 1921.

¹¹Nam Kỳ tuần báo, số 39 năm 1943.

¹²Công Luận báo, số 68 năm 1925.

¹³Công Luận báo, số 68 năm 1925.

¹⁴Công Luận báo, số 68 năm 1925.

¹⁵Công Luận báo, số 68 năm 1925.